

QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

NÂNG QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC LÊN TẦM CAO THỜI ĐẠI

LÊ VĂN SANG*

Trung Quốc là nước láng giềng “núi liền núi, sông liền sông” với Việt Nam, có nền kinh tế quy mô, tăng trưởng mạnh, đang thực thi chiến lược nhất thể hóa kinh tế khu vực mà Việt Nam được coi là “cầu nối” giữa các nước phương Nam với Trung Quốc, là “cầu nối” Đông Nam Á với Đông Bắc Á. Do vậy, củng cố, phát triển quan hệ hợp tác toàn diện với Trung Quốc, phát huy vai trò “cầu nối” trước hết trong khuôn khổ khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, tích cực khai thác thị trường Trung Quốc, đặc biệt là thị trường Tây Nam Trung Quốc, sẽ là hướng chiến lược kinh tế đối ngoại cực kỳ quan trọng, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế nhanh, ổn định lâu dài của Việt Nam. Trong nghiên cứu này, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến những nhân tố mới, mở ra cơ hội lớn cho sự phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam với Trung Quốc, và làm thế nào để nắm bắt đầy đủ cơ hội đó, phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc xứng tầm thời đại.

I. CƠ HỘI LỚN CHƯA TỪNG CÓ CHO SỰ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

Từ thời Tần Hán, miền Tây Nam Trung Quốc đã có con đường giao thông quốc tế qua Côn Minh để đi đến các nước phía Nam được gọi là “Trục thân độc đạo” - con đường tơ lụa ngày xưa. Còn ngày nay, khi hai nước Việt - Trung bước vào thế kỷ XXI cùng nỗ lực cải cách mở cửa nền kinh tế, chủ động hội nhập kinh tế toàn cầu thì cơ hội phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc vô cùng rộng lớn nhờ những nhân tố khách quan và chủ quan sau đây:

1. Xu thế liên kết, nhất thể hóa kinh tế khu vực phát triển sâu rộng hơn bao giờ hết

Bước vào thế kỷ XXI, mặc dù vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn, khó lường, song hòa bình và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo trong sự phát triển thế giới và khu vực; hơn nữa đây còn là thời kỳ mở đầu thời đại tri thức hóa kinh tế toàn cầu; toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế phát triển mạnh mẽ chưa từng thấy.

* PGS. TS. Trung tâm Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương

Đây là xu thế phát triển khách quan đang cuốn hút mọi quốc gia vào quỹ đạo kinh tế toàn cầu, mở ra cơ hội lớn cùng thách thức lớn đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam và Trung Quốc. Là cơ hội lớn nếu quốc gia đang phát triển đó có năng lực cải cách, mở cửa, tận dụng mọi lợi thế của nước đi sau, hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực hiệu quả, sẽ có nhiều khả năng tiến nhanh, đuổi kịp các nước tiên tiến. Là thách thức lớn nếu quốc gia đang phát triển đó không có năng lực cải cách, mở cửa, không tận dụng mọi lợi thế của nước đi sau trong hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, sẽ bị tụt hậu, thậm chí bị đào thải khỏi quỹ đạo phát triển của thế giới.

2. Sự chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của Việt Nam và Trung Quốc

Xu thế phát triển khách quan trên đã được chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam – Trung Quốc đón bắt kịp thời, thông minh và sáng tạo. Cả hai nước đều nỗ lực cải cách mở cửa với cách đi thích hợp, từng bước hoàn thiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, phù hợp với thông lệ quốc tế nên đã tạo nên sự phát triển ngoạn mục: dẫn đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nhiều năm, đạt được những thành tựu tuyệt vời trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Cuối năm 2001, Trung Quốc trở thành thành viên WTO, đánh dấu sự hội nhập kinh tế toàn cầu của Trung Quốc, tạo ra thế và lực mới của Trung Quốc trên trường quốc tế. Rất có thể cuối năm 2005 Việt Nam cũng sẽ gia nhập WTO, thể hiện tinh thần chủ động hội

nhập kinh tế toàn cầu, tạo cơ sở thuận lợi hơn cho sự phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc.

Sự kiện ảnh hưởng mạnh và trực tiếp hơn đến quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam-Trung Quốc gần đây là tháng 11/2002 Hiệp định thương mại hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN – Trung Quốc đã được ký kết, mở đường cho việc xây dựng Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA) mà Việt Nam có vị trí vai trò “cửa ngõ” của ACFTA. Trước khi cả hai bên phát huy được vị trí và vai trò trên thì với hai điểm quan trọng trong Hiệp định khung là chương trình thu hoạch sớm (EHP) và điều khoản qui định Trung Quốc dành cho các nước ASEAN chưa phải là thành viên WTO được hưởng ngay lập tức và đầy đủ MFN theo các tiêu chuẩn của WTO⁽¹⁾ cũng đã tác động tích cực đến quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc.

Năm 2001 được thế giới đánh giá là mốc son quan trọng của tiến trình liên kết kinh tế Đông Á bởi lẽ Hiệp định xây dựng khu vực kinh tế thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc, đã có tác động thúc đẩy Nhật Bản, Hàn Quốc liên kết kinh tế với ASEAN mạnh hơn theo thể chế 10+1. Trung Quốc còn chủ động thúc đẩy kế hoạch liên kết kinh tế Đông Bắc Á bao gồm Trung Quốc – Nhật Bản – Hàn Quốc, mở ra triển vọng của thể chế 10+3 bao gồm 10 nước ASEAN + Trung Quốc + Nhật Bản + Hàn Quốc, ý tưởng liên kết kinh tế toàn Đông Á nay đang được thế giới quan tâm. Sự ra đời một thực thể kinh tế Đông Á sánh cùng với EU và NAFTA, hình thành 3 trung tâm kinh tế lớn của nền kinh tế thế giới là điều có

thể hy vọng trong 20 năm đầu thế kỷ XXI, sẽ tạo địa bàn rộng lớn hơn nhiều cho sự phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam- Trung Quốc.

3. Đạt tới nhận thức chung giữa hai nước về sự phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc thế kỷ XXI

Việt Nam - Trung Quốc đều nhận thức rõ xu thế lớn trên của thời đại, đồng thời đều nhận thấy lợi thế cũng như khả năng to lớn của quan hệ hai nước trong tiến trình liên kết kinh tế khu vực, do đó cả hai bên đều nỗ lực vun đắp quan hệ láng giềng thân thiện, cùng phát triển, hướng tới tương lai. Nhờ vậy kim ngạch buôn bán giữa hai nước không ngừng tăng nhanh qua các năm, từ 3,26 tỷ USD năm 2002 lên 4,2 tỷ USD năm 2003, có thể vượt 5 tỷ USD năm 2004. Hai bên nhất trí đề ra mục tiêu nâng kim ngạch buôn bán hai bên lên 10 tỷ USD vào năm 2010.

Từ nhiều năm nay hai nước đã nhận thấy tầm quan trọng của quan hệ kinh tế thương mại giữa các tỉnh vùng biên giới Việt –Trung, đã có nhiều biện pháp chính sách thúc đẩy quan hệ buôn bán qua biên giới. Nhờ vậy trong 10 năm qua, trao đổi tại các cửa khẩu 6 tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam tăng liên tục với tốc độ 30%/năm. Hiện nay, hai nước đang trao đổi qua biên giới khoảng 200 mặt hàng, trong đó mỗi nước xuất khẩu sang nước kia khoảng 100 mặt hàng khác nhau⁽²⁾.

Sau khi Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Trung Quốc ký kết, hai nước càng nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò cầu nối Côn Minh-Hà

Nội-Nam Ninh trong khu vực mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc. Dưới góc nhìn của nhà nghiên cứu, chúng tôi thấy nổi lên tam giác tăng trưởng kinh tế có vai trò trung tâm giao thương của toàn khối mậu dịch tự do ASEAN-Trung Quốc. Và cũng có thể vì lý do đó mà Trung Quốc đã giao cho Nam Ninh và Côn Minh vai trò cửa ngõ của Trung Quốc trong quan hệ giữa Trung Quốc với ASEAN, còn Việt Nam đã đưa ra kế hoạch phát triển 3 vùng trọng điểm kinh tế quốc gia, trong đó vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc mà trung tâm là Hà Nội sẽ có khả năng trở thành đầu tàu kinh tế quốc gia và toàn khối ASEAN trong quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc.

Hoàn toàn không phải ngẫu nhiên mà trong chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Thủ tướng Phan Văn Khải, hai bên đã đạt được nhận thức chung về ý tưởng xây dựng hai hành lang kinh tế là Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng và Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng cùng với vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ. Đầu tháng 5-2004 Việt Nam đã khai trương Tổng lãnh sự quán tại Côn Minh và Nam Ninh – cầu nối quan trọng để tăng cường giao lưu, mở rộng hợp tác giữa tỉnh Vân Nam và Quảng Tây với các địa phương Việt Nam.

Trong chuyến thăm chính thức Việt Nam vừa rồi của Thủ tướng Ôn Gia Bảo, hai bên khẳng định lại quyết tâm hợp tác chiến lược trên, đồng thời đã nhất trí với nhau về cơ chế giải quyết công việc của hai bên nhanh, hiệu quả với thời gian qui định rõ ràng cho từng cấp từ địa phương đến Trung ương của hai nước.

Năm 2004 còn dồn dập nhiều quyết sách cụ thể của cả hai bên nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại vùng biên giới Việt – Trung. Chẳng hạn Trung Quốc đã cho các cửa khẩu biên giới thuộc tỉnh Vân Nam và Quảng Tây với Việt Nam, được thanh toán các hợp đồng ngoại thương bằng đồng bản tệ vẫn được hoàn thuế VAT; Trung Quốc cũng có nhiều biện pháp chính sách khác định hướng phát triển cho hai khu vực cửa khẩu này. Về phía Việt Nam chính phủ cũng đã đưa ra những qui chế quản lý và biện pháp thúc đẩy thương mại tại thị trường này. Ngoài việc đẩy mạnh công tác đàm phán, ký kết các hiệp định và thỏa thuận ở nhiều cấp, nhiều ngành nhằm tạo hành lang pháp lý ổn định, thông thoáng, Chính phủ Việt Nam còn quyết định thành lập một loạt khu kinh tế cửa khẩu suốt các tỉnh có biên giới với Trung Quốc với chính sách ưu đãi...

4. Tiềm năng kinh tế lớn của Việt Nam và vùng Tây Nam Trung Quốc khi được khơi dậy

Tây Nam Trung Quốc là khu vực giàu tiềm năng tài nguyên khoáng sản và năng lượng được xếp vào loại hàng đầu ở Trung Quốc. Khu vực này còn có tiềm năng lớn về nông – lâm nghiệp và du lịch. Thị trường Tây Nam Trung Quốc đang trên đà phát triển rất mạnh nhờ chiến lược khai phá miền Tây của Trung Quốc. Đây là thị trường rộng lớn với 430 triệu dân, là cửa ngõ kết nối các đô thị miền Tây Trung Quốc với các nước ASEAN dọc theo các hành lang kinh tế Côn Minh – Hà Nội, Côn Minh – Rangun và Côn Minh – Băng Cốc. Điều hấp dẫn đối với các doanh nghiệp Việt Nam còn

là sự không khó tính lắm của thị trường Tây Nam Trung Quốc, thị hiếu người tiêu dùng gần gũi với Việt Nam, nhu cầu mua sắm đang tăng nhanh. Các doanh nghiệp Việt Nam có thể vào thị trường này qua đường biên mậu rất thuận tiện.

Việt Nam là nước thành viên ASEAN, có vị trí địa kinh tế rất đặc biệt: cầu nối Đông Nam Á với Đông Bắc Á nói chung, ASEAN với Trung Quốc nói riêng; là quốc gia có đường biển dài 2500 km với nhiều cảng nước sâu vào loại bậc nhất ở Đông Nam Á, với nhiều thành phố đô thị công nghiệp lớn nối tiếp nhau dọc theo bờ biển.

Việt Nam là đất nước giàu tiềm năng về tài nguyên khoáng sản và nguồn lực con người, hiện đang nỗ lực cải cách mở cửa, chủ động hội nhập toàn cầu và khu vực, đang là điểm đến của các nhà đầu tư trên thế giới. Nhu cầu tiêu dùng của thị trường hơn 80 triệu dân này đang tăng lên hàng ngày, đa dạng, phong phú, đang mời gọi các doanh nghiệp Trung Quốc. Phát huy lợi thế có chung biên giới, các doanh nghiệp Tây Nam Trung Quốc có thể vào thị trường này qua đường biên mậu rất thuận tiện. So với hành lang kinh tế Côn Minh – Rangun, Côn Minh – Băng Cốc thì hành lang kinh tế Côn Minh – Hà Nội tỏ ra có nhiều ưu thế hơn.

Tiềm năng kinh tế của Việt Nam và Trung Quốc sẽ được khơi dậy và tăng lên gấp bội khi hai bên đều nỗ lực phát triển quan hệ hợp tác kinh tế thương mại lên ngang tầm thời đại, tận dụng tốt cơ hội lớn do thời đại kinh tế toàn cầu hóa đưa đến.

II. NĂM BÁT CƠ HỘI LỚN, NÂNG QUAN HỆ KINH TẾ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM – TRUNG QUỐC LÊN TẦM CAO THỜI ĐẠI

Trong nghiên cứu của chúng tôi, nâng quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc lên tầm cao thời đại không phải là khẩu hiệu chung chung, hoặc một cách nói sáo rỗng. Ngược lại, nó có nội dung cụ thể, có thể mô hình hóa bằng ý tưởng sau đây: Trong thời đại toàn cầu hóa, khu vực hóa phát triển sâu rộng chưa từng thấy, với sự nhận thức chung giữa hai nước về sự phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc nói chung, Việt Nam với Vân Nam và Quảng Tây Trung Quốc nói riêng, cũng như các điều kiện cần và đủ cho sự liên kết kinh tế giữa ba cực của tiểu vùng này như phần I đã phân tích, chúng ta hoàn toàn có thể vươn tới ý tưởng xây dựng tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội – Vân Nam – Quảng tây theo mô hình liên kết kinh tế mà cộng đồng kinh tế châu Âu đã đạt được, biến nơi đây thành đầu tàu, thành cầu nối cho sự phát triển khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc. Để biến ý tưởng trên thành hiện thực, trước hết cả hai nước từ cấp địa phương đến trung ương đều cần có tầm nhìn thời đại, vượt lên mọi nếp nghĩ truyền thống, vượt lên các suy tính cục bộ, địa phương vì lợi ích phát triển chung của cả hai nước, đặt kế hoạch phát triển kinh tế địa phương mình phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế khu vực, biến tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội – Côn Minh – Nam Ninh thành trung tâm phát triển của khu vực

mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc cả về mặt thể chế liên kết kinh tế lẫn mặt tăng trưởng kinh tế. Mặt khác phải tập trung sức lực và trí tuệ vào việc thực hiện các việc lớn sau đây:

1. Tăng tốc xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông

Tiêu điểm là xây dựng đường sắt tiêu chuẩn Côn Minh - Hà Nội - Hải Phòng, đảm bảo việc chuyên chở hàng hóa thông suốt, không phải chuyển tàu từ Côn Minh đến cảng Hải Phòng.

Tiêu chuẩn nữa là xây dựng đường cao tốc Côn Minh - Hà Nội - Hải Phòng, từng bước phát triển hệ thống đường cao tốc nối Côn Minh và Hà Nội đến các tỉnh miền Tây Trung Quốc và các nước ASEAN.

Mở rộng, tăng công suất các cảng biển Hải Phòng, đảm bảo tiếp nhận hàng hóa Tây Nam Trung Quốc xuất đi các nước trên thế giới, trước hết là các nước ASEAN, và hàng hóa của thế giới và ASEAN vào vùng Tây Nam Trung Quốc.

Xây dựng tuyến đường sông Lan Thương – Mê Kông, hình thành hệ thống giao thông thủy bộ giữa Trung Quốc – Việt Nam- Mianma.

Xây dựng đường không Côn Minh-Hà Nội và tương lai Côn Minh- Quảng Ninh, biến Côn Minh và Hà Nội thành 2 cảng hàng không quốc tế chính đưa ASEAN đến gần hơn với Tây Nam Trung Quốc.

Tiền của đưa vào xây dựng hệ thống đường giao thông này sẽ cực kỳ lớn. Trong khi nguồn lực hai nước còn hạn hẹp, chúng ta cần sáng tạo cách làm có khả năng thu hút mạnh FDI, hoặc cách làm có sức thu hút mạnh các nguồn đầu

tư trong nước như kinh nghiệm “đổi đất lấy hạ tầng” của Việt Nam.

2. Xây dựng và phát triển hệ thống đô thị công nghiệp dọc các trục giao thông

Trong khi xúc tiến phát triển mạng lưới công nghiệp tại các thành phố trung tâm là Hà Nội, Côn Minh, Nam Ninh cả hai bên đều cần chú ý phát triển hệ thống đô thị dọc các trục giao thông chính được kết nối bởi hành lang kinh tế Hà Nội – Côn Minh, Hà Nội – Nam Ninh. Về phía Việt Nam, đó là các thành phố đô thị chạy dài từ Lào Cai qua Hà Nội đến Hải Phòng, Quảng Ninh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của Việt Nam. Về phía Trung Quốc, đó cũng là các thành phố đô thị tương tự. Có như vậy mới nâng cao được hiệu quả nguồn vốn đưa vào cơ sở hạ tầng giao thông.

Để phát triển nhanh hệ thống đô thị công nghiệp dọc hành lang kinh tế Côn Minh – Hà Nội – Hải Phòng thì bên cạnh nguồn lực của hai nước, FDI vẫn là nguồn vốn quan trọng, cần có kế hoạch khai thác.

Nếu hai cơ sở hạ tầng trên đòi hỏi nhiều vốn mới có thể làm được thì sau đây là hai cơ sở hạ tầng rất quan trọng, phát huy ngay tác dụng hợp tác kinh tế thương mại hai bên đồng thời có giá trị thúc đẩy các dự án xây dựng hai cơ sở hạ tầng trên mà không đòi hỏi vốn đầu tư lớn, đó là cơ sở hạ tầng pháp lý và cơ sở hạ tầng thông tin.

3. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng pháp luật

Cơ sở pháp luật là yếu tố quyết định quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam -

Trung Quốc. Cơ sở pháp luật đối với sự phát triển của một quốc gia đã khó, huống hồ đây lại là cơ sở pháp luật đảm bảo phát triển bền vững quan hệ của hai quốc gia. Trước hết các phía đều cần đứng trên tầm nhìn thời đại, vì lợi ích chung của cả hai nước để xây dựng khuôn khổ luật pháp theo hướng hội nhập kinh tế khu vực tích cực, thứ đến là phải xúc tiến công tác đàm phán, ký kết các hiệp định và thỏa thuận ở các cấp, các ngành, nhằm tạo hành lang pháp lý ổn định, thông thoáng để xây dựng cơ chế chính sách, tạo điều kiện cho quan hệ kinh tế thương mại hai bên phát triển ổn định, lâu dài.

Hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng không thể phát triển tách rời với Hành lang kinh tế Nam Ninh – Lạng Sơn – Hà Nội – Hải Phòng. Cần xây dựng cơ sở pháp lý đồng bộ giữa hai hành lang kinh tế này, đặt nó trong khuôn khổ tam giác tăng trưởng đặc biệt Côn Minh – Hà Nội – Nam Ninh, như một trung tâm tăng trưởng đầu tàu với những thể chế liên kết kinh tế mẫu mực của khu mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc. Để làm tốt công việc lớn lao này, thiết nghĩ nên thành lập “Ủy ban hỗn hợp” với sự tham gia của hai bên Việt Nam – Trung Quốc để cùng phối hợp xây dựng cơ sở hạ tầng pháp luật, quản lý điều hành, phối hợp hoạt động giữa Hai hành lang kinh tế trong tam giác tăng trưởng Côn Minh – Hà Nội – Nam Ninh, tránh tình trạng làm ăn tùy tiện, mỗi nơi một kiểu, làm triệt tiêu khả năng tập trung, tối ưu các nguồn lực vào mục tiêu phát triển. Ủy

ban hỗn hợp này nên đặt dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc.

4. Phát triển cơ sở thông tin

Trong thời đại ngày nay, thông tin đối với các doanh nghiệp quý như vàng, do vậy cả hai bên cần nỗ lực xây dựng hệ thống thông tin thị trường hữu hiệu cho các doanh nghiệp. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Côn Minh và Nam Ninh cần dành nhiều công sức cho hoạt động thông tin kinh tế cho cả hai phía, tạo điều kiện cho phía Việt Nam mở nhiều văn phòng đại diện tại Côn Minh, Nam Ninh. Phía Trung Quốc, theo chúng tôi suy nghĩ cũng cần tăng cường bộ phận chuyên trách xúc tiến quan hệ kinh tế thương mại Vân Nam – Việt Nam, Quảng Tây – Việt Nam trong Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội, hỗ trợ cho việc thành lập các văn phòng đại diện xúc tiến thương mại Tây Nam Trung Quốc nói chung, Vân Nam, Quảng Tây nói riêng với Việt Nam tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Đây là cách làm ít tốn kém nhất, hiệu quả cao nhất đối với việc thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc.

Hội chợ, triển lãm, hội thảo, hội nghị, diễn đàn doanh nghiệp hấp dẫn các doanh nghiệp Trung Quốc, Việt Nam và các nước ASEAN khác tại Nam Ninh, Côn Minh và Hà Nội, đặc biệt tại hai cửa khẩu Lào Cai - Hà Khẩu, Bằng Tường - Đồng Đăng cần tổ chức thường xuyên, chất lượng ngày càng nâng cao sẽ là cách thông tin trực tiếp, phát huy hiệu quả nhanh.

Để phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc lên tầm cao

thời đại như ý tưởng trong nghiên cứu này, hai bên còn rất nhiều việc lớn khác cần nỗ lực làm mới có kết quả chẳng hạn xây dựng hạ tầng dịch vụ cung cấp tài chính, xây dựng phát triển nguồn nhân lực, xây dựng hạ tầng về hành chính công ở cả hai bên. Dù rất nhiều việc lớn tưởng như vượt cả năng lực hiện có của các bên, song thiết nghĩ, một khi ý tưởng đã hình thành, cùng với những phương án khả thi, những dự án phát triển hấp dẫn, tương lai rực rỡ của tam giác tăng trưởng kinh tế Côn Minh – Hà Nội – Nam Ninh sẽ tạo nên sức hút mạnh các nguồn lực toàn cầu và khu vực, bổ sung cho nguồn lực của chính chúng ta.

III. TĂNG SỨC CẠNH TRANH KINH TẾ CỦA VIỆT NAM

Muốn phát triển quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam – Trung Quốc lên tầm cao thời đại theo ý tưởng trên, ngoài vấn đề phải có tầm nhìn thời đại, vượt lên mọi nếp nghĩ truyền thống, vượt lên các tính toán cục bộ địa phương, vì lợi ích phát triển kinh tế của cả hai nước, một vấn đề lớn khác cần phải giải quyết là nâng cao sức cạnh tranh kinh tế của Việt Nam như thế nào?

Nhiều nghiên cứu cho thấy, sức cạnh tranh kinh tế của Trung Quốc hiện mạnh hơn Việt Nam. Trong 3 năm gần đây, chỉ số xếp hạng năng lực cạnh tranh tăng trưởng (GCI) của Việt Nam và Trung Quốc như sau⁽³⁾:

Năm	2002	2003	2004
Trung Quốc	38	44	46
Việt Nam	65	60	77

Xét về cơ cấu xuất nhập khẩu hai nước sẽ càng thấy rõ hơn sự chênh lệch này:

**MẬU DỊCH CỦA TRUNG QUỐC
ĐỐI VỚI MỘT SỐ NƯỚC ASEAN**

Năm	1996	2002
Trung Quốc xuất sang		
Việt Nam	842(80,8)	2148(72,1)
Philippin	1015(62,9)	2042(81,0)
Thái Lan	1255(86,2)	2957(92,4)
Trung Quốc nhập từ		
Việt Nam	309(4,2)	1116(11,2)
Philippin	373(44,4)	3219(93,5)
Thái Lan	1890(49,1)	5600(76,1)

Chú giải: Số trong ngoặc là tỷ trọng của hàng công nghiệp (%), Trần Văn Thọ tính từ thống kê mậu dịch của Liên Hợp Quốc, Thời báo kinh tế Sài Gòn, 16-12-2004.

Từ thống kê trên có thể thấy, tỷ trọng hàng công nghiệp của Việt Nam xuất sang Trung Quốc rất thấp, từ 4,2% năm 1996 nâng lên 11,2% năm 2002. Nghĩa là Việt Nam chủ yếu xuất nguyên nhiên liệu sang Trung Quốc. Ngược lại tỷ trọng hàng công nghiệp Trung Quốc xuất sang Việt Nam rất cao, chiếm 80,8% năm 1992 đến năm 2002 vẫn chiếm 72,1%. Đây là biểu hiện như là kết cấu quan hệ thương mại Nam - Bắc, nghĩa là giữa nước đang phát triển với nước phát triển.

Cũng vì lẽ đó nên có người lo ngại rằng phát triển quan hệ kinh tế thương mại với Trung Quốc trong điều kiện bất lợi như vậy, Việt Nam rất dễ trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa Trung

Quốc và hậu quả tiếp theo sẽ là nhiều ngành công nghiệp non trẻ của Việt Nam khó tiến triển mạnh.

Với cách tiếp cận truyền thống, hệ quả có thể là như vậy. Nhưng trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế ngày nay, Việt Nam hoàn toàn có khả năng đổi mới, mở rộng cửa nền kinh tế hơn nữa, biến Việt Nam thành miền đất hứa của các công ty xuyên quốc gia Nhật Bản, Mỹ, EU: FDI kỹ thuật cao có khả năng đổ dồn vào Việt Nam, cùng các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất nhiều hàng công nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Điều này chỉ có lợi cho sự phát triển kinh tế của cả hai nước Việt Nam và Trung Quốc.



CHÚ THÍCH:

(1) Vân Khanh: *Nhìn lại quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thời gian qua*, Tạp chí Thương mại số 3,4,5-2004.

(2) Vân Khanh: *Nhìn lại quan hệ hợp tác Việt Nam-Trung Quốc thời gian qua*, Tạp chí Thương mại số 3,4,5 - 2004.

(3) Dẫn từ Phan Đức Dũng: *Mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc nhìn dưới góc độ năng lực cạnh tranh quốc gia*, tại hội thảo đại học quốc gia TP.HCM ngày 16-12-2004.